

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện TH, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Ông B, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/2019. Sau khi kết hôn thì sống chung không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn với gia đình chồng, chủ yếu là do cha mẹ chồng hay chửi mắng nói bà đi làm về không lo làm việc nhà, trong khi bà làm công nhân làm ca 12 tiếng, làm chung công ty chỗ ông B làm, cũng hơn 03 năm, khi cha mẹ chồng chửi thì cũng chuyện này chửi qua chuyện kia, ông B không có bệnh vực bà. Hôm đó cha mẹ chồng bà chửi bà nhiều, còn nói mẹ ruột của bà không biết dạy con, ngày mà bà đi ra khỏi nhà chồng là có ba mẹ ruột bà rút về, chứ không phải

bà một mình bỏ nhà đi như ông B trình bày. Bà và ông B ly thân tháng 01/2022. Hiện nay không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên C, sinh ngày 23/4/2020, bà yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm cãi nhau là gần tết, bà về nhà cha mẹ ruột thì cha chồng không cho ẵm con theo, cha chồng còn đập bụng giựt con trên tay bà, ông B có hứa là bữa khác giao lại lại cho bà. Đến tết thì bà có ẵm con về nhà nuôi, ở được 01 tháng ông B lên xin rước về nhà nội chơi, Ang sau đó không giao con lại cho bà, Việc con chung sinh ra ngủ với bà nội là không đúng, khi bà nghỉ cử 6 tháng thì con chung do bà chăm sóc, ngủ chung với bà, chỉ từ sau khi hết dịch đi làm lại thì công ty yêu cầu làm ca đêm nên con chung mới ngủ với bà nội. Chứ con chung từ khi sinh ra do bà chăm sóc cho đến khi gia đình chồng bắt con. Hiện tại, bà ở chung nhà cha mẹ ruột và làm vườn, khoảng 1 mẫu đất do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trồng chanh, một tháng thu nhập khoảng trên 20.000.000 đồng, bà tự canh tác trên đất của mình. Hiện tại trong lúc chờ Tòa giải quyết, bà xin được rước con về nhà chơi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông B trình bày: ông thống nhất trình bày của bà A về quá trình chung sống, kết hôn. Về mâu thuẫn ông xác nhận do bà A mâu thuẫn với gia đình chồng. Tuy nhiên, ông cho rằng cha mẹ chồng chửi con dâu một hai câu là bình thường, không phải tự nhiên mà cha mẹ chồng la con dâu, không có chuyện gì lớn, tự bà A làm lớn chuyện rồi xin ly hôn, còn mẹ vợ ông cũng nói thế nào thì cha mẹ ông mới chửi lại, không phải tự nhiên mà chửi. Ông và bà A ly thân khoảng tháng 01/2022, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà A nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên C, sinh ngày 23/4/2020. Thời gian ly thân, con chung ở với bà A được 1 tháng, ông có rước về chơi, mới có 1 tuần mà đòi ông đưa con về, rồi dọa chấm dứt ly hôn nên ông bắt con về luôn. Ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng, vì từ bé con chung đã ở nhà nội, ngủ chung bà nội, cha mẹ ông có nhà cửa ổn định, ông đi làm có thu nhập ổn định, hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con, khi ông đi làm thì ông bà nội ở nhà giữ cháu, mẹ ông giữ trẻ, khoảng 2-3 đứa gần nhà, còn ba của ông nuôi vịt bỏ vịt, ông bà nội còn trẻ sinh năm 1960 có thể giữ cháu. Ông không đồng ý việc cha mẹ bà A cho đất bà A, tự nhiên đó giờ không cho, giờ ly hôn tranh chấp nuôi con thì cho đất. Ông không cho bà A rước con về chơi, chỉ đồng ý cho bà A qua thăm con chứ không cho rước con về.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Long An phát biểu quan điểm: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp, bà A và ông B thống nhất ly hôn. Về con chung: con chung dưới 36 tháng, là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu. Đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà A và ông B kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/2019. Nay bà A khởi kiện xin ly hôn làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Do ông B hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự Ang kết quả hoà giải không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[5] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

[6] Xét thấy, sau khi kết hôn thì bà A và ông B chung sống với nhau tại gia đình chồng ở ấp 1 xã N huyện T tỉnh Long An. Thời gia kết hôn chung sống chưa lâu nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình thường xuyên cãi nhau giữa ông B với bà A và bà A cùng các thành viên trong gia đình chồng. Theo bà A trình bày thì mâu thuẫn chủ yếu là do cha mẹ chồng hay chửi mắng bà đi làm về không lo làm việc nhà, trong khi bà phải đi làm mỗi ngày làm ca 12 tiếng, cha chồng của bà chửi nặng lời, chửi từ chuyện này chửi qua chuyện khác, còn chửi luôn cha mẹ của bà là không biết dạy con, Còn ông B thì cho rằng bà A phải làm sai thì cha mẹ chồng mới mắng chửi, cha mẹ chồng chửi con dâu vài câu không có gì lớn, do bà A tự làm lớn chuyện, còn cha mẹ của ông chửi mẹ vợ là cũng do mẹ của bà A phải nói gì nên mới như vậy. **Thấy rằng**, nguyên nhân vấn đề phát sinh mâu thuẫn tuy không lớn nhưng giữa ông B và bà A lại không tìm được tiếng nói chung, không cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống gia đình càng không hạnh phúc, mọi người không có sự tôn trọng và quan tâm cuộc sống của nhau từ đó mâu thuẫn càng trầm trọng, bà A và ông B đã không còn chung sống từ tháng 01/2022. Từ khi bà A khởi kiện xin ly hôn đến nay, qua hoà giải của Toà án, ông B và bà A cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm và không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Bà A không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn, ông B cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy tình cảm giữa bà A và ông B không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A và ông B thống nhất ly hôn, nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: có 01 con chung tên C, sinh ngày 23/4/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A và ông B đều có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện tài chính. Ông B cho rằng cha mẹ ông có nhà cửa và thu nhập ổn định, tuổi còn trẻ khi ông đi làm thì ông bà nội có thể giữ cháu, còn bà A ở nhà cha mẹ ruột bà A là ở tạm, bà A đi làm thì không có ai giữ

con, hiện nay bà A thất nghiệp. Lời trình bày của ông B là chưa phù hợp, bởi lẽ, việc nuôi con chung trước hết là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ, cha mẹ phải có trách nhiệm yêu thương chăm sóc con cái. Thực tế, cả ông B và bà A hiện nay đều là ở chung nhà cha mẹ ruột, cha mẹ ông B và cha mẹ bà A đều có nhà cửa ổn định, ông B làm công nhân có thu nhập ổn định hàng tháng, bà A có tài sản riêng là quyền sử dụng đất khoảng 1 hecta đất tự canh tác trồng trọt cũng có thu nhập có khả năng tự chủ về mặt tài chính đảm bảo cho việc nuôi con chung và thời gian chăm sóc con chung, bản thân ông B đi làm cũng phụ thuộc vào cha mẹ để chăm sóc con chung. Mặt khác, từ tháng 01/2022 sau khi bà A về nhà cha mẹ ruột thì con chung có ở cùng bà A, ông B sau khi rứt con về chơi thì không giao con lại cho bà A và không cho bà A rứt con về nhà, như vậy ông B đã có hành vi cản trở việc thăm nom chăm sóc con chung. Con chung từ lúc sinh ra do bà A trực tiếp chăm sóc cho đến khi ông B không cho bà A rứt con về. Xét thấy, con chung C sinh ngày 23/4/2020 vừa tròn 24 tháng 6 ngày, theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”* và con chung cũng là con gái còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung chưa thành niên cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T tỉnh Long An là có cơ sở.

[10] Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các điều 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B.

Về con chung: có 01 con chung tên C sinh ngày 23/4/2020. Giao con chung tên C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A và ông B không đặt ra giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002346 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà A không phải nộp thêm.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm